

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST

Ngày: 27/5/2020

V/v “*Tranh chấp hụi*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Tiên;

2. Bà Nguyễn Thị Mười.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp hụi*” theo Quyết D đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1943;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

Chị Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**2. Bị đơn:** 1. Bà Lê Thị N, sinh năm: 1962; (Vắng mặt).

2. Ông Hồ Văn D, sinh năm: 1964;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông D có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ Quyển trình bày:*

Bà K có tham gia 02 dây hụi do vợ chồng bà N, ông D làm chủ hụi. Cụ thể:

Dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 10/8/2017 (âm lịch) đến ngày 10/7/2019 (âm lịch) mãng, gồm 24 hụi viên, mỗi tháng khai 01 lần, bà K tham gia 01 phần, hụi sống. Bà K đóng đến tháng 7/2019 được 22 phần, số tiền là 22 x 1.000.000 đồng = 22.000.000 đồng. Tháng 8/2019 (âm lịch), bà N tuyên bố bế hụi. Dây hụi này bà N

còn thiếu của bà K là 22.000.000 đồng.

Dây hụi 500.000 đồng, khai ngày 05/3/2018 (âm lịch), mãng ngày 05/6/2020 (âm lịch), gồm có 24 hụi viên, mỗi tháng khai 01 lần, bà K tham gia 01 phần, hụi sống. Bà K đóng hụi đến ngày 05/8/2019 (âm lịch) được 14 phần với số tiền là 7.000.000 đồng. Tháng 8/2019 (âm lịch), bà N tuyên bố bẻ hụi. Dây hụi này bà N còn thiếu của bà K là 7.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà N, ông D còn thiếu của bà K là 29.000.000 đồng.

Bà K yêu cầu bà N, ông D có trách nhiệm trả cho bà K số tiền nợ hụi là 29.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị N trình bày:*

Bà thừa nhận những lời trình bày trên đây của chị Quyến là đúng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải của UBND xã B, bà yêu cầu cho bà trả cho bà K tiền vốn bà K đã đóng của 02 dây hụi trên là 20.300.000 đồng. Bà K yêu cầu 29.000.000 đồng là yêu cầu luôn cả tiền lãi. Nay bà cùng với ông D đồng ý có trách nhiệm liên đới trả cho bà K số tiền hụi vợ chồng bà còn nợ là 20.300.000 đồng, không tính lãi.

Đối với việc cản trừ số tiền hụi bà Ngọc còn thiếu của bà, bà Ngọc trả cho bà K. Tuy nhiên, bà xác D giữa bà với bà Ngọc không có việc cản trừ này, không có liên quan gì trong vụ kiện này, bà sẽ giải quyết việc này với bà Ngọc sau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N với ông D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B năm 2000 hay 2001, bà không nhớ. Số tiền hụi này dùng để xoay sở, chi phí sinh hoạt trong gia đình. Tình cảm vợ chồng bà đến nay vẫn tốt, vợ chồng bà không có kinh doanh, làm ăn riêng. Hiện nay ông D bị bệnh nan y đang điều trị. Bà yêu cầu được trả dần số nợ trên.

Tại phiên tòa, chị Quyến đại diện cho bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Quyến đại diện cho bà K đồng ý cho bà N và ông D trả cho bà K số tiền nợ hụi là 20.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Thời gian trả nợ, cách trả nợ sẽ được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

### **NHẬN D CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận D:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 30/12/2019, bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị N và ông Hồ Văn D trả cho bà số tiền nợ hụi là 29.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của bà K, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Tranh chấp hụi” quy D tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 17 Nghị D 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hụi, họ, biếu, phụng. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Châu Thành theo quy D tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hồ Văn D có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt của ông D là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận. Bà N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử vắng mặt ông D, bà N là phù hợp với quy D tại khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu của bà K yêu cầu bà N, ông D trả số tiền 29.000.000 đồng vốn:*

Theo chị Quyến, đại diện cho bà K: Bà K có tham gia chơi 02 dây hụi do bà N làm chủ, khai ngày 10/8/2017 (âm lịch), bà K tham gia 01 phần, hụi sống. Bà K đóng đến tháng 7/2019 được 22 phần, số tiền là  $22 \times 1.000.000$  đồng = 22.000.000 đồng. Tháng 8/2019 (âm lịch), bà N tuyên bố bẻ hụi. Dây hụi này bà N còn thiếu của bà K là 22.000.000 đồng.

Dây hụi 500.000 đồng, khai ngày 05/3/2018 (âm lịch), bà K tham gia 01 phần, hụi sống. Bà K đóng hụi đến ngày 05/8/2019 (âm lịch) được 14 phần với số tiền là 7.000.000 đồng. Tháng 8/2019 (âm lịch), bà N tuyên bố bẻ hụi. Dây hụi này bà N còn thiếu của bà K là 7.000.000 đồng. Tổng số tiền bà N, ông D còn thiếu của bà K là 29.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bà K là “Biên bản hòa giải về việc tranh chấp tiền hụi giữa bà Nguyễn Thị K và bà Lê Thị N” ngày 17/10/2019 của UBND xã B và 02 tờ giấy hụi bản sao không có chứng thực.

Đối với yêu cầu của bà K, bà N thừa nhận có nợ tiền hụi của bà K. Tuy nhiên, bà yêu cầu cho bà trả cho bà K tiền vốn bà K đã đóng của 02 dây hụi trên là 20.300.000 đồng. Bà K yêu cầu 29.000.000 đồng là yêu cầu luôn cả tiền lãi. Xét thấy, chị Quyến, bà N đã thống nhất được số tiền còn nợ. Bà N thừa nhận và đồng ý trả tiền nợ hụi cho bà K số tiền là 20.300.000 đồng, bà K cũng đồng ý nên ghi nhận. Yêu cầu của bà K là có căn cứ nên được chấp nhận, cần buộc bà N có trách nhiệm trả cho bà K số tiền là 20.300.000 đồng phù hợp với quy D tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 29 Nghị D 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường nên được chấp nhận.

Bà K yêu cầu bà N, ông D trả lại cho bà số tiền vốn nêu trên mà không yêu cầu tính lãi nên được ghi nhận.

Bà K yêu cầu ông D, là chồng của bà N, có trách nhiệm liên đới cùng trả cho bà số tiền nợ hụi nêu trên. Đối với yêu cầu của bà K bà N đồng ý. Bà N xác D số tiền hụi này bà hốt hụi về dùng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Vợ chồng bà không có làm ăn hay đầu tư riêng. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông D, bà N vẫn là vợ chồng nên cần buộc ông D phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà N trả cho bà K số tiền nợ trên đây là phù hợp với quy D tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: bà Lê Thị N và ông Hồ Văn D phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.015.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT D:**

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 17 Nghị D 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 về hội, họ, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy D về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Buộc bà Lê Thị N và ông Hồ Văn D có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền nợ hội là 20.300.000 đ (Hai mươi triệu ba trăm ngàn đồng).

Ghi nhận bà Nguyễn Thị K không yêu cầu tính lãi trên số tiền nêu trên.

**3.** Về án phí: bà Lê Thị N và ông Hồ Văn D phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.015.000đ (Một triệu không trăm mười lăm ngàn đồng).

**4.** Kể từ ngày quyết D có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy D tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết D được thi hành theo quy D tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy D tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy D tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lê Thị N, ông Hồ Văn D vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

#### ***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Lưu HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Minh Trung**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**